

Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Phạm Lê Cường

Email: lecuong@vinhuni.edu.vn
 Trường Đại học Vinh
 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh,
 tỉnh Nghệ An, Việt Nam

TÓM TẮT: Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra những thay đổi vô cùng to lớn trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Trường đại học sư phạm có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả hệ thống giáo dục quốc dân. Để đào tạo ra các thế hệ công dân 4.0, đòi hỏi các trường đại học sư phạm phải nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên.

TỪ KHÓA: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, giáo viên, chất lượng, chất lượng đào tạo.

→ Nhận bài 28/9/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 18/10/2021 → Duyệt đăng 15/01/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12220106>

1. Đặt vấn đề

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) với những thành tựu nổi bật trong các lĩnh vực: internet, mạng xã hội, dữ liệu khổng lồ, di động, trí tuệ nhân tạo và robot đã tạo ra những thay đổi vô cùng to lớn trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, làm thay đổi căn bản cuộc sống của con người. Giáo dục đại học (GDĐH) là một trong những lĩnh vực chịu sự tác động này nhanh hơn cả, bởi vì GDĐH không chỉ làm cho cuộc CMCN 4.0 nhanh chóng đi vào thực tiễn mà còn tham gia dẫn dắt và tạo ra những phiên bản mới của các cuộc CMCN tiếp theo. CMCN 4.0 đòi hỏi ở người lao động những kỹ năng (KN) mới như: KN giải quyết vấn đề phức tạp; KN tư duy phê phán; KN sáng tạo; KN quản lý con người; KN làm việc hợp tác với người khác; KN xúc cảm xã hội; KN tranh luận và ra quyết định; KN định hướng dịch vụ; KN thương thuyết; KN linh hoạt trong nhận thức... Các KN này cần được hình thành ở con người khi họ còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông.

Trong GDĐH, các trường đại học sư phạm (ĐHSP) có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Với vai trò là “máy cái” của nền GD. Hơn lúc nào hết, các trường ĐHSP cần đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo. Sản phẩm của các trường ĐHSP không chỉ là những “công dân ưu tú” trong nền công nghiệp 4.0 mà còn góp phần quan trọng trong việc đào tạo ra các thế hệ công dân 4.0 cho xã hội. Để làm được điều đó, đòi hỏi các trường ĐHSP cần phải nâng cao chất lượng (CL) đào tạo giáo viên (GV) đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1. Chất lượng

Theo Đại từ điển tiếng Việt, CL là “cái làm nên phẩm chất, giá trị của một con người, sự vật” [1]. Harvey L, Knight PT định nghĩa CL như tập hợp các thuộc tính khác nhau: CL là sự xuất sắc (quality as excellence); CL là sự hoàn hảo (quality as perfection); CL là sự phù hợp với mục tiêu (quality as fitness for purpose); CL là sự đáng giá với đồng tiền bỏ ra (quality as value for money); CL là sự chuyển đổi về chất (quality as transformation)...[2]. Sallis E. cho rằng, khái niệm CL được hiểu theo nghĩa tương đối và tuyệt đối. Khái niệm CL dùng trong cuộc sống hàng ngày thường mang ý nghĩa tuyệt đối. Còn CL theo nghĩa tương đối không xem CL là thuộc tính của đồ vật hoặc dịch vụ mà là cái người ta gán cho nó [3]. Theo Nguyễn Hữu Châu, “CL là sự phù hợp với mục tiêu” [4]. Định nghĩa này có ý nghĩa đối với việc xác định CL GD nói chung, CL đào tạo GV nói riêng.

2.1.2. Chất lượng đào tạo giáo viên

Nếu quan niệm CL là sự phù hợp với mục tiêu thì có thể hiểu CL đào tạo GV của trường đại học (ĐH) là sự phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường ĐH. Một cách tổng quát, mục tiêu của trường ĐH là đào tạo đội ngũ GV có trình độ ĐH. Mục tiêu đó được cụ thể ở những yêu cầu mà SV cần đạt được khi tốt nghiệp, đó là: Có phẩm chất chính trị, đạo đức và các NL nghề nghiệp (NL tìm hiểu người học và môi trường GD; NL dạy học; NL GD; NL giao tiếp; NL đánh giá trong GD; NL hoạt động xã hội; NL phát triển nghề nghiệp). Từ đó, một trường ĐHSP có CL cao chính là nơi đào tạo ra được một đội ngũ GV tiên tiến, chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp. CL người học được xem là CL trung tâm của quá trình đào tạo.

Cùng với CL người học, CL đào tạo của các trường ĐHSP còn bao gồm: CL của chương trình đào tạo; CL của hoạt động đào tạo; CL của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý; CL nghiên cứu, ứng dụng khoa học GD

và hợp tác quốc tế; CL tổ chức, quản lý nhà trường; CL của cấu trúc hạ tầng và trang thiết bị hỗ trợ; nguồn tài chính; khả năng đáp ứng yêu cầu của SV và yêu cầu của các cơ sở GD...

Đối với một sản phẩm hay một dịch vụ thông thường, CL của nó được cố định trong sản phẩm hay dịch vụ. Còn CL đào tạo GV của các trường ĐH luôn luôn ở trạng thái “động”. Những yêu cầu về phẩm chất và NL đối với sản phẩm đào tạo (CL đào tạo) thường xuyên thay đổi để đáp ứng sự phát triển của đối tượng GD; sự chuyển đổi vai trò của người GV trong xã hội hiện đại (người huấn luyện viên, người cố vấn, người quản lý quá trình học tập), đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0... Từ đó, các trường ĐHSP không chỉ quan tâm đến “*CL hiện thời*” của sản phẩm đào tạo mà còn phải quan tâm đến cả “*CL tiềm năng*” của sản phẩm đào tạo. Điều này có nghĩa là, các trường ĐH phải chuẩn bị để sản phẩm đào tạo của mình có khả năng “*tự hoàn thiện*”, “*tự làm ra*” CL trong tương lai, qua từng hoạt động giảng dạy - GD ở trường phổ thông.

2.1.3. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Thuật ngữ “CMCN lần thứ tư” chính thức được sử dụng ở Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) lần thứ 46 tại thành phố Davos - Klosters của Thụy Sĩ. Bản chất của CMCN 4.0 là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất. Theo Akaev và Rudskoi [5], bốn công nghệ đột phá trong CMCN 4.0 là na-nô (nano), sinh học (bio), thông tin (information) và nhận thức (cognitive) được viết tắt là NBIC. Cuộc CMCN 4.0 là xu hướng hiện tại của tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất. Nó bao gồm các hệ thống mạng vật lý, mạng Internet kết nối vạn vật và điện toán đám mây. Theo Schwab [6], ba điểm khác biệt cơ bản của CMCN 4.0 so với các cuộc CMCN 1.0, 2.0 và 3.0 trước đó là:

- *Về tốc độ*: CMCN 4.0 tiến triển với tốc độ theo hàm số mũ chứ không phải là hàm tuyến tính như các cuộc CMCN trước đó. Đây là hệ quả từ một thế giới đa chiều, kết nối sâu, công nghệ mới làm nảy sinh công nghệ mới hơn và càng nhiều NL hơn.

- *Về chiều rộng và chiều sâu*: CMCN 4.0 có nền tảng số hóa tích hợp nhiều công nghệ dẫn đến việc xuất hiện các mô hình mới trong kinh tế, xã hội, văn hóa và giáo dục. Nó không chỉ thay đổi “*làm cái gì?*” và “*làm như thế nào?*” mà còn thay đổi “*chúng ta là ai?*”.

- *Tác động có tính hệ thống*: Bao gồm sự chuyển đổi toàn bộ hệ thống kết nối các quốc gia (bên trong, bên ngoài), kết nối các công ti, công nghiệp và toàn xã hội.

2.2. Ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến chất lượng đào tạo giáo viên ở các trường đại học

CL đào tạo GV được phản ánh qua các thành tố của nó: mục tiêu, chương trình, phương pháp, hình thức, quản trị và điều kiện đào tạo. Vì thế, khi xem xét ảnh hưởng của cuộc CMCN 4.0 đến CL đào tạo GV ở các trường ĐH, cần xem xét trên các yếu tố này.

2.2.1. Ảnh hưởng đến mục tiêu đào tạo giáo viên

Dưới ảnh hưởng của cuộc CMCN 4.0, mục tiêu của các trường ĐHSP thay đổi theo hướng thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo của người học, dạy cho người học biết phát triển tài năng cá nhân, nhưng biết sáng tạo tập thể. Tinh thần đó, đến lượt mình, GV lại chuyển tải đến HS. Cuộc CMCN 4.0 đòi hỏi GDĐH phải chuẩn bị lực lượng lao động có khả năng di chuyển dễ dàng hơn giữa các ngành nghề, giữa các lĩnh vực hoạt động và giữa các nền văn hóa khác nhau chứ không phải đào tạo họ cho một ngành nghề cụ thể, ở một thời gian, không gian cụ thể. Do đó, mục tiêu của các trường ĐHSP cũng cần có sự thay đổi. GV được đào tạo trong các trường ĐHSP phải trở thành những người có khả năng thấp lên ở học sinh ngọn lửa của sự khát vọng đổi mới, sáng tạo; sẵn sàng đối mặt với những thách thức của cuộc CMCN 4.0.

2.2.2. Ảnh hưởng đến chương trình đào tạo giáo viên

Khi mục tiêu của các trường ĐHSP thay đổi thì chương trình đào tạo của các trường cũng phải thay đổi. Chương trình đào tạo không chỉ cho “*người GV hiện tại*” mà còn cho cả “*người GV tương lai*”, không chỉ cho người GV chỉ biết làm nghề dạy học mà còn cho người GV biết làm các nghề khác. Vì thế, chương trình đào tạo của các trường ĐHSP phải được xây dựng theo hướng mở để dễ dàng cập nhật kiến thức, KN mới cho người học; chuẩn bị những năng lực lao động tích hợp các ngành nghề. Tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo của ĐH 4.0 phải được thể hiện rõ trong nội dung, cấu trúc của chương trình đào tạo GV, trước hết là khối kiến thức cơ sở ngành. Khối kiến thức này cần đủ rộng để có thể phát triển cho nhiều ngành nghề mới, trên nền tảng của ngành nghề GV. Ngoài ra, khi Chương trình GD phổ thông được đổi mới nhằm phát triển toàn diện phẩm chất và NL HS, đòi hỏi chương trình đào tạo của các trường ĐHSP cũng phải có sự đổi mới theo hướng hình thành ở SV những NL “*công dân 4.0*”. Từ đó, các trường ĐHSP cần đưa vào chương trình đào tạo vấn đề chuyển đổi số trong GD, tăng cường các phương pháp công nghệ để nâng cao chất lượng, quản lý dữ liệu, thúc đẩy hình thức dạy học trực tuyến qua mạng...

2.2.3. Ảnh hưởng đến phương pháp, hình thức đào tạo giáo viên

Cuộc CMCN 4.0 đòi hỏi phương pháp và hình thức đào tạo trong các trường ĐH phải dựa vào kỹ thuật

Internet, điện thoại thông minh và Internet kết nối vạn vật, tổ chức đào tạo ở mọi lúc, mọi nơi thông qua hệ sinh thái khởi nghiệp. Đối với các trường ĐHSP, phương pháp và hình thức đào tạo cũng cần được đổi mới theo xu hướng trên. Nếu ở trường ĐHSP, SV không được tiếp xúc với các công nghệ đào tạo hiện đại thì họ sẽ rất khó khăn khi GD HS của mình trở thành những “công dân 4.0” trong tương lai. Vì thế, các trường ĐHSP phải tổ chức đào tạo dựa trên khuyến khích sự sáng tạo của SV để họ có thể chuyển đổi “*từ học để ghi nhớ sang học để đổi mới, sáng tạo*”. Cần mở rộng mô hình lớp học ảo, nhà trường ảo để SV sớm được tiếp xúc và thường xuyên được tiếp xúc với HS và hoạt động dạy học - GD ở trường phổ thông (không chỉ ở trong nước mà còn ở ngoài nước). Bên cạnh đó, các trường ĐHSP còn phải xây dựng được “*hệ sinh thái khởi nghiệp*” nhằm “*nâng đỡ*” các ý tưởng đổi mới, sáng tạo của SV trong học tập và khởi nghiệp.

2.2.4. Ảnh hưởng đến đánh giá kết quả đào tạo giáo viên

Đánh giá kết quả đào tạo GV cần phải căn cứ vào chuẩn đầu ra. Cuộc CMCN 4.0 đòi hỏi chuẩn đầu ra của các trường ĐHSP phải xây dựng theo hướng xác định những phẩm chất và NL chung (NL tự chủ và thích ứng với những thay đổi; NL giao tiếp và hợp tác; NL lãnh đạo; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL nhận thức về văn hóa - xã hội; NL phản biện); NL cốt lõi (NL dạy học; NL GD; NL định hướng và phát triển HS; NL hoạt động xã hội; NL phát triển nghề nghiệp...) mà SV cần đạt khi tốt nghiệp. Để đánh giá kết quả đào tạo GV dựa trên chuẩn đầu ra, các trường ĐHSP cần phải xây dựng được các bộ công cụ đánh giá thích hợp, không chỉ đánh giá được kiến thức, KN mà còn đánh giá được cả NL chung và NL cốt lõi của SV.

2.2.5. Ảnh hưởng đến quản trị đào tạo giáo viên

Cuộc CMCN 4.0 không chỉ ảnh hưởng đến mục tiêu, chương trình, phương pháp, hình thức đào tạo GV mà còn ảnh hưởng đến quản trị đào tạo GV của các trường ĐHSP dưới các góc độ sau: Hỗ trợ cho quản trị đào tạo GV qua công nghệ số và khoa học dữ liệu; chuyên quản trị đào tạo GV theo “*kiểu hành chính*” sang quản trị sự đổi mới sáng tạo; xác lập nội dung chủ yếu của cơ chế vận hành một trường ĐHSP khởi nghiệp và sáng tạo...

2.3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên ở các trường đại học sư phạm đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

2.3.1. Đổi mới mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên

Đào tạo, bồi dưỡng GV phải nhằm mục tiêu đáp ứng *Chuẩn đầu ra*. Đó là những NL và phẩm chất cần thiết để GV không chỉ làm tốt nhiệm vụ giảng dạy mà còn làm tốt vai trò của nhà GD, nhà nghiên cứu độc lập về

GD, có khả năng giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn nghề nghiệp. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng GV còn phải chú trọng đến khả năng thích ứng cao đối với yêu cầu đổi mới và phát triển GD, sự thay đổi vai trò của người GV trong xã hội hiện đại dưới tác động của cuộc CMCN 4.0. Do đó, mục tiêu đào tạo GV vừa phải ổn định ở những giá trị cốt lõi của nghề dạy học, vừa trong trạng thái “*động*” để phát triển những phẩm chất, NL mới mang tính thời đại của người GV.

2.3.2. Đổi mới mô hình đào tạo giáo viên

Hiện nay, trên thế giới và ở nước ta đang tồn tại các mô hình đào tạo GV sau đây:

- *Mô hình song song*: Mô hình song song là mô hình đào tạo song song hai khối kiến thức khoa học cơ bản và nghiệp vụ sư phạm (NVSP). Ưu điểm của mô hình này là có tính tích hợp cao giữa hai khối kiến thức khoa học cơ bản và NVSP nhưng hạn chế của nó là sự cứng nhắc ở đầu ra (người đã có một bằng đại học rồi muốn trở thành GV cũng không thể có lối vào).

- *Mô hình chuyển tiếp*: Đây là mô hình đào tạo khối kiến thức khoa học cơ bản trước, khối kiến thức NVSP sau. Ưu điểm của mô hình chuyển tiếp là cung cấp cho người học một nền tảng kiến thức khoa học vững chắc, đồng thời tạo ra một đầu vào “*mở*” cho nghề sư phạm. Còn hạn chế của mô hình này là thiếu sự tích hợp giữa hai khối kiến thức khoa học cơ bản và NVSP.

- *Mô hình 3+1*: Trong đó, 3 năm đầu đào tạo tại trường ĐHSP, SV được chuẩn bị đầy đủ cả kiến thức khoa học cơ bản lẫn kiến thức NVSP. Một năm cuối, SV được đào tạo tại trường phổ thông; chủ yếu là thực hành tất cả các công việc của người GV (dạy học, GD, hoạt động xã hội...). Trường phổ thông thực sự tham gia vào quá trình đào tạo GV. Tuy nhiên, mô hình này phải phụ thuộc vào việc thiết lập mối quan hệ giữa trường ĐH với các trường phổ thông và thiếu sự cân đối giữa kiến thức khoa học cơ bản với NVSP.

- *Mô hình đào tạo GV trong tất cả các trường đại học, khi không còn trường sư phạm (mô hình Phần Lan)*: Theo mô hình này, khi SV tốt nghiệp xuất sắc (hoặc giỏi) một ngành học nào đó (trùng ứng với môn học ở trường phổ thông), nếu có nguyện vọng trở thành GV thì được học nghiệp vụ sư phạm 02 năm (01 năm ở trường ĐH, 01 năm ở trường phổ thông). Để dạy từ lớp 1 đến lớp 6, GV phải có bằng Thạc sĩ GD; từ lớp 7- 12, GV phải có bằng Thạc sĩ khoa học. Nhờ đào tạo theo mô hình này, Phần Lan có được một đội ngũ GV tốt nhất thế giới, góp phần làm nên “*cú sốc PISA*”.

Trên cơ sở phân tích ưu điểm và hạn chế của từng mô hình, các trường ĐHSP cần lựa chọn cho mình một mô hình phù hợp với yêu cầu đổi mới GD hiện nay cũng như xu thế phát triển mô hình đào tạo GV của các nước tiến tiến trên thế giới, đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0.

2.3.3. Đối mới chương trình đào tạo giáo viên

Chương trình đào tạo GV phải được cấu trúc và thiết kế lại để vừa phát triển được những NL nghề nghiệp cần thiết cho SV, vừa tạo cơ hội để SV có thể chuyên đổi, thích ứng với những nghề nghiệp mới, gần với nghề sư phạm. Từ đó, cần có sự bổ sung, điều chỉnh, sắp xếp lại các học phần trong khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

Đối với khối kiến thức cơ sở ngành: Cần bổ sung các học phần: Tư vấn tâm lý; Dịch vụ GD; Chuyển giao công nghệ GD; Chuyển đổi số trong GD; Công tác xã hội... Tùy theo thực tế đào tạo của từng trường ĐHSP, các học phần này có thể là bắt buộc hoặc tự chọn. Đồng thời, các học phần hiện có cũng cần tích hợp thêm các kiến thức “liên ngành”. Ví dụ, học phần Tâm lý học có thể tích hợp thêm các kiến thức về Tâm lý học xã hội, Tâm lý học gia đình..., học phần Phương pháp dạy học có thể tích hợp thêm các kiến thức về Chuyển đổi số trong GD; Chuyển giao công nghệ dạy học và GD. Khi khối kiến thức cơ sở ngành có “*phông*” rộng như vậy sẽ tạo cơ hội cho SV có thể chuyển đổi nghề nghiệp của mình. SV được đào tạo trong các trường ĐHSP không chỉ đi dạy mà còn có thể làm các nghề nghiệp khác có chung khối kiến thức cơ sở ngành với nghề sư phạm.

Đối với khối kiến thức chuyên ngành: Cần tập trung đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho SV trên cả hai phương diện: Thời lượng và nội dung.

- Về thời lượng, cần dành khoảng 25 đến 30% chương trình cho đào tạo NVSP.

- Về nội dung, cần tập trung hình thành ở SV các NL cần thiết sau: Hiểu các khái niệm trọng tâm, các công cụ tìm kiếm, các cấu trúc môn học mình dạy và có khả năng làm cho những yếu tố này có ý nghĩa đối với HS; Hiểu HS học tập, phát triển như thế nào và có khả năng tạo ra các cơ hội để hỗ trợ cho sự phát triển của các em; Hiểu HS khác biệt nhau như thế nào về cách học và tạo ra các cơ hội dạy học thích ứng với các đối tượng khác nhau; Hiểu và sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng để khuyến khích sự phát triển tư duy phê phán, khả năng giải quyết vấn đề và các KN hoạt động của HS; Lập kế hoạch dạy học trên cơ sở hiểu biết về môn học, HS, cộng đồng và mục tiêu của chương trình; Hiểu biết và sử dụng các phương pháp đánh giá chính thức và phi chính thức nhằm xác định và đảm bảo sự phát triển liên tục về trí tuệ, xã hội và thể lực của HS...

2.3.4. Đối mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên

a/ Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo khoa học cơ bản và khoa học GD:

Nội dung đào tạo GV của các trường ĐHSP thường có hai mảng lớn: khoa học cơ bản (KHCB) và khoa học GD (KHGD). Hai mảng này hỗ trợ cho nhau, hướng vào việc hình thành ở người học trình độ chuyên môn

- nghiệp vụ. Vì thế, cần tích hợp đào tạo chuyên môn (KHCB) và đào tạo nghiệp vụ (KHGD), làm cho hai mảng đào tạo này trở thành một thể thống nhất. Đào tạo chuyên môn phải đảm bảo tính nghiệp vụ, còn đào tạo nghiệp vụ phải đồng thời và trên nền của đào tạo chuyên môn. Do vậy, cần huy động đội ngũ giảng viên dạy các môn KHCB tham gia tích cực vào việc đào tạo NVSP cho SV.

b/ Gắn liền đào tạo nghiệp vụ sư phạm với thực tế của nhà trường phổ thông

Xuất phát từ thực tế của nhà trường phổ thông (đặc điểm tâm - sinh lý của HS, chương trình sách giáo khoa, điều kiện dạy và học...) để xác định nội dung và phương pháp đào tạo NVSP cho SV. Đồng thời, dựa trên đặc trưng lao động sư phạm của GV, những yêu cầu về phẩm chất và NL của GV theo Chuẩn nghề nghiệp để hướng chương trình rèn luyện NVSP vào việc hình thành cho SV những phẩm chất và NL đó. Có như vậy, các kiến thức mà trường ĐHSP cung cấp cho SV mới hữu ích. Vì thế, các trường ĐHSP cần có quy định cứng về chế độ đi thực tế phổ thông của giảng viên các bộ môn NVSP.

c/ Xây dựng quy trình rèn luyện NVSP toàn khoá cho SV

Trong đào tạo NVSP, ngoài việc cung cấp cho SV các tri thức KHGD còn hình thành ở họ những KN sư phạm cần thiết: dạy học; GD HS; phối hợp các lực lượng GD nhà trường, gia đình và xã hội; nghiên cứu KHGD; tự học nâng cao trình độ... Những KN này chỉ có thể được hình thành trong quá trình rèn luyện NVSP thường xuyên của SV thông qua các hoạt động thực hành, kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm. Đồng thời, áp dụng công nghệ số trong đào tạo, hoàn thiện cơ sở mạng đồng bộ, thúc đẩy phát triển và chia sẻ học liệu số giữa các trường ĐHSP, tổ chức các lớp học trực tuyến, các lớp học ảo...

2.3.5. Tạo môi trường thuận lợi để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên

Hiệu quả rèn luyện NVSP của SV phụ thuộc rất nhiều vào môi trường: “môi trường giả định” (ở trường ĐHSP) và “môi trường thực” (ở trường phổ thông). Trong môi trường giả định, SV rèn luyện các KN sư phạm trên những “đối tượng giả định”. Nhưng kết quả rèn luyện ở môi trường này lại có ảnh hưởng lớn đến kết quả rèn luyện trong môi trường thực. Do đó, cần tạo điều kiện cho SV có thể rèn luyện hệ thống các KN sư phạm bằng các hoạt động nội khoá, ngoại khoá, các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội... Tuy nhiên, phải thấy rõ ý nghĩa quan trọng của việc rèn luyện NVSP trong “môi trường thực”, không chỉ giới hạn ở các đợt kiến tập, thực tập SP. SV cần được rèn luyện trong môi trường thực càng sớm càng tốt. Yêu cầu này đòi hỏi phải xây dựng được

các trường thực hành (trực thuộc trường ĐHSP) và xem đầu tư cho trường thực hành như đầu tư cho các phòng thí nghiệm hiện đại của các khoa thực nghiệm.

3. Kết luận

Cuộc CMCN 4.0 đã tạo ra một sự thay đổi lớn trong

mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có GD nói chung, GDĐH nói riêng. Cuộc CMCN 4.0 đã ảnh hưởng sâu sắc đến mục tiêu, chương trình, phương pháp, hình thức đánh giá và quản trị đào tạo GV. Các trường ĐHSP cần phải đổi mới một cách toàn diện để thích ứng với cuộc CMCN 4.0.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Như Ý, (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [2] Harvey L, Knight PT, (1996), *Transforming higher education*, Buckingham: SRHE and Open University Press.
- [3] Sallis E., (1993), *Total Quality Management in Education*, Philadelphia: Kogan Page.
- [4] Nguyễn Hữu Châu (Chủ biên), (2008), *Chất lượng giáo dục, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Akaev, A. and Rudskoi, A, (2017), *Economic Potential of Breakthrough Technologies and Its Social Consequences*, In “Tessaleno Devezas, João Leitão, Askar Sarygulov. *Industry 4.0: Entrepreneurship and Structural Change in the New Digital Landscape*. Springer, pp. 13-41.
- [6] Schwab, K, (2016), *The Fourth Industrial Revolution*, World Economic Forum.

IMPROVING THE QUALITY OF TEACHER TRAINING TO MEET THE REQUIREMENTS OF THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION

Pham Le Cuong

Email: lecuong@vinhuni.edu.vn
 Vinh University
 182 Le Duan, Vinh city, Nghe An province, Vietnam

ABSTRACT: *The fourth industrial revolution has created enormous changes in all aspects of socio-economic life. Therefore, the mission of pedagogical universities is to train high quality human resources for the whole education system. The pedagogical universities are also required to improve the quality of teacher training to educate the next generation of citizens 4.0.*

KEYWORDS: Fourth industrial revolution, teacher, quality, training quality.